

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Em.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp 2, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 2, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2020 nguyên đơn chị Lâm Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L chung sống từ năm 1995, không đăng ký kết

hôn, thời gian đầu hạnh phúc, cách đây khoảng 07 năm thì không hạnh phúc nữa, đến năm 2016 thì không sống chung đến nay. Chị Lâm Thị Th có yêu cầu ly hôn; Con chung: có 03 con tên Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1999, Nguyễn Thị Q, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Tr, sinh năm 2001 hiện đang sống chung với chị Lâm Thị Th, các con đã trưởng thành; Tài sản chung: Chị Lâm Thị Th không yêu cầu, anh Nguyễn Văn L chưa thể hiện ý kiến; Nợ chung: Chị Lâm Thị Th khai không có, anh Nguyễn Văn L chưa thể hiện ý kiến.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Q, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thị Tr (bản sao), đơn xác nhận (bản chính), giấy chứng minh nhân dân (bản sao), sổ hộ khẩu (bản sao).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lâm Thị Th yêu cầu được ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn; Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn chịu theo Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Lâm Thị Th có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Văn L tại ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm Q.

[1.2]. Anh Nguyễn Văn L được triệu tập hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất

khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Th và anh Nguyễn Văn L chung sống từ năm 1995, không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do vậy, chị Lâm Thị Th và anh Nguyễn Văn L không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nên chị Lâm Thị Th và anh Nguyễn Văn L không phải là vợ chồng.

[2.2]. Con chung: Chị Lâm Thị Th khai có 03 con tên Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1999, Nguyễn Thị Q, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Tr, sinh năm 2001, anh Nguyễn Văn L vắng mặt chưa thể hiện ý kiến. Nhưng chị Lâm Thị Th cung cấp chứng cứ xác định Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị Tr là con chung giữa chị Lâm Thị Th với anh Nguyễn Văn L là giấy khai sinh tại bút lục 01, 02, 03. Theo lời khai của chị Lâm Thị Th con chung Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị Tr đã thành niên và có khả năng lao động. Nên Tòa không xem xét.

[2.3]. Tài sản chung: Chị Lâm Thị Th không yêu cầu, anh Nguyễn Văn L chưa thể hiện ý kiến.

[2.4]. Nợ chung: Chị Lâm Thị Th khai không có, anh Nguyễn Văn L chưa thể hiện ý kiến.

[2.5]. Án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị Th nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[3]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Th.

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Thị Th và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lâm Thị Th chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Lâm Thị Th đã nộp theo biên lai thu số 0003462 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Thị Tuyết Mai**

